

DANH SÁCH 1

SINH VIÊN HỌC ĐÚNG TIẾN ĐỘ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số 126/QĐ - ĐHKTCN, ngày 22 tháng 9 năm 2015)

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-

ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Ghi chú
Lớp K46AP.M		Số sinh viên: 11					
1	DTK1051010407	Nguyễn Chí	Công	3.23	2.7	138	
2	DTK1051010422	Đồng Văn	Định	3.23	2.84	134	
3	DTK1051010760	Nguyễn Tùng	Linh	2.77	2.31	125	
4	DTK1051010770	Nguyễn Đức	Quang	3.23	2.83	134	
5	DTK1051010633	Trần	Trung	3.23	2.84	138	
6	DTK1051010471	Trịnh Đức	Trường	3.69	3.28	138	
7	DTK1051010708	Nguyễn Anh	Tú	2.31	2.18	134	
8	DTK1051010155	Tô Minh	Tuấn	3.23	2.94	138	
9	DTK1051020328	Bùi Quốc	Việt	3.38	2.8	134	
10	DTK1051010479	Lê Đình	Việt	3.46	3.25	138	
11	DTK1051010720	Nguyễn Tuấn	Vũ	3	2.62	135	
Lớp K46AP.I		Số sinh viên: 11					
1	DTK1051010002	Nguyễn Việt	An	2.81	2.94	129	
2	DTK1051020166	Trần Thị Quý	Anh	3.19	3.07	132	
3	DTK1051010011	Ngô Minh	Chữ	3.81	3.28	135	
4	DTK1051020605	Ngô Văn	Cường	2.63	2.94	129	
5	DTK1051020342	Ngô Thùy	Dung	3.25	3.07	132	
6	DTK1051020261	Trần Đức	Duy	2.75	2.41	129	
7	DTK1051020438	Hoàng	Hà	1.18	2.02	100	
8	DTK1051020639	Đặng Văn	Huyền	4	3.44	135	
9	DTK1051020116	Vũ Duy	Khánh	3	2.72	126	
10	DTK1051030179	Nguyễn Quang	Minh	3.63	2.94	126	
11	DTK1051030130	Phạm Duy	Tùng	3.19	2.76	129	
Lớp K47AP.M		Số sinh viên: 12					
1	DTK1051010496	Phạm Văn	Dũng	2.48	2.62	95	

2	DTK1151010337	Đồng Đức	Dương	2.85	2.74	92	
3	DTK1151060002	Ngô Trung	Đức	2.21	2.47	88	
4	DTK1151010185	Nguyễn Quốc	Huy	3	3.11	101	
5	DTK1151010134	Đào Thị Thu	Huyền	3.09	3.39	85	
6	DTK1151010345	Lê Duy	Hưng	2.82	2.87	92	
7	DTK1151010238	Nguyễn Bảo	Khánh	3.29	2.96	101	
8	DTK1151010408	Nguyễn Văn	Minh	2.53	2.6	86	
9	DTK1151010359	Nguyễn Tiến	Phúc	2.86	3.03	93	
10	DTK1151010045	Nguyễn Văn	Thịnh	3.14	2.84	101	
11	CPC105017	Chhin	Tola	2.45	2.54	92	
12	DTK1151010155	Lô Quốc	Tùng	3.13	3.18	104	
Lớp K47AP.I		Số sinh viên: 13					
1	DTK1151030067	Bùi Huy	Bình	3.6	3.59	96	
2	DTK1151020008	Bùi Trung	Doanh	3.6	3.02	90	
3	DTK1151020001	Dư Ngọc	Đăng	2.8	2.67	90	
4	DTK1151020074	Nguyễn Mạnh	Hải	2.6	2.73	90	
5	DTK1151020189	Nguyễn Khắc	Hồng	2	2.05	75	
6	DTK1151030288	Thân Thị	Huế	3.6	3.51	96	
7	DTK1151020033	Phan Văn	Mậu	3	2.91	80	
8	DTK1151030040	Nguyễn Hữu	Quân	3.2	2.98	96	
9	DTK1151010364	Đào Văn	Thăng	2.33	2.08	71	
10	DTK1151030047	Trương Ngọc	Thắng	3	2.69	90	
11	DTK1151020333	Lê Văn	Thọ	1.5	2.35	78	
12	DTK1151030109	Trần Quốc	Toản	2.4	2.34	80	
13	DTK1051020162	Tổng Văn	Tuyền	2.6	2.36	90	
Lớp K48AP.M		Số sinh viên: 13					
1	K125520103264	Nguyễn Văn	Đức	2.67	2.68	44	
2	PHI135004	Manalastas William	Erick	3.28	2.96	49	
3	K125520216025	Nguyễn Huy	Hoàng	2.93	2.47	45	
4	PHI135001	Bebit Predilla	Jaica	2.52	2.31	48	
5	PHI135005	Manalo Laurel Zyra	Khrystyn	3.24	2.96	49	
6	K125520103144	Lê Tùng	Lâm	2.3	2.36	55	
7	K125520103087	Nguyễn Phú	Lập	2.27	2.2	45	
8	PHI135003	Khayat Romulo	Lhorraine	2.48	2.21	48	
9	PHI135006	Juilie Oliveros P.	Maria	2.56	2.57	44	
10	K125520114034	Đào Ngọc	Phi	2.45	2.89	57	
11	PHI135002	Bunganay Ibarrola	Sharlene	2.28	2.04	48	
12	K125520103237	Dương Chí	Thức	2.16	2.56	54	
13	K125510601029	Giáp Văn	Vân	2.4	2.51	41	

Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 13					
1	K125520201154	Nguyễn Duy	An	3.12	2.77	47	
2	K125520216217	Phạm Tuấn	Anh	1.2	1.96	45	
3	K125520201171	Dương Minh	Đức	1.53	2.11	35	
4	K125520216016	Nguyễn Trọng	Giáp	3.5	3.53	53	
5	K125520201250	Phùng Thanh	Hải	2.5	2.37	46	
6	K125520201190	Nguyễn Hữu	Huy	2.65	2.26	47	
7	K125510601013	Trần Văn	Huy	3.35	3.16	45	
8	K125520103360	Vũ Ngọc	Khánh	1.14	2.24	29	
9	K125520216034	Đỗ Hữu	Khôi	3.7	3.13	53	
10	K125520201104	Nguyễn Viết	Nam	2.41	2.49	47	
11	K125520216246	Nguyễn Hoàng	Quân	3.5	3.36	53	
12	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	3	2.6	47	
13	K125520114059	Nguyễn Văn	Thành	1.7	2.11	46	
Lớp K49AP.M		Số sinh viên: 17					
1	K135520103222	Đồng Tuấn	Anh	1.75	1.75	16	
2	K135520103161	Lê Tùng	Dương	2.71	2.71	17	
3	K135520103169	Bùi Bảo	Định	1	2	8	
4	K135520103237	Nguyễn Văn	Hân	2.47	2.47	17	
5	K135520201284	Ngô Văn	Hoàn	2	2	8	
6	K135520103179	Bùi Huy	Hoàng	1.89	1.89	9	
7	K135520103477	Phạm Huy	Hoàng	1.24	2.6	10	
8	K135520103473	Phạm Tiến	Hưng	3	3	9	
9	K135520103256	Đặng Duy	Linh	2.14	2.14	14	
10	K135520103259	Nguyễn Đức	Mạnh	1	2	4	
11	K135520103260	Hoàng Ngọc	Nam	2.35	2.35	17	
12	K135520114039	Trần Hồng	Phúc	1.85	2.4	10	
13	K135520103143	Dương Thanh	Tuấn	2.22	2.22	9	
14	K135520103141	Nguyễn Công	Tuấn	2.44	2.44	9	
15	K135520103442	Nguyễn Quốc	Tuấn	2	2	8	
16	K135520114115	Đồng Văn	Tùng	2.67	2.67	9	
17	K135520103071	Phan Lâm	Vinh	1.5	1.5	8	
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 23					
1	K135520216062	Phan Lê Đức	Anh	1.67	1.67	9	
2	K135520216004	Trần Thanh	Bằng	2.79	2.79	19	
3	K135520201132	Trần Thanh	Bình	2.74	2.74	19	
4	K135520201025	Bùi Thị	Hà	2.67	2.67	18	
5	K135140214035	Nguyễn Thu	Hà	3.22	3.22	9	
6	K135520320030	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	3.06	3.06	18	

7	K135140214006	Lưu Thị	Hội	2.83	2.83	18	
8	K135520216228	Nguyễn Quang	Huân	2.2	2.2	10	
9	K135140214096	Nguyễn Viết	Hưng	1.56	1.56	9	
10	K135520216154	Vũ Đức	Lương	1.67	1.67	9	
11	K135140214012	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	2.83	2.83	18	
12	K135520207119	Nguyễn Văn	Phương	2.83	2.83	18	
13	K135140214113	Vương Ngọc	Quang	3	3	10	
14	K135580201090	Trịnh Đắc	Sĩ	1.89	1.89	19	
15	K135520216046	Bùi Minh	Thành	1.2	2	6	
16	K135520207085	Hà Hữu	Thành	3.72	3.72	18	
17	K135520216356	Nguyễn Công	Thọ	1.56	1.56	9	
18	K135520216107	Nguyễn Đức	Thường	2.42	2.42	19	
19	K135520207131	Tạ Quang	Tiến	2	2.44	18	
20	K135520201237	Dương Văn	Tĩnh	3.22	3.22	18	
21	K135520207135	Nguyễn Thị	Trang	3.22	3.22	18	
22	K135520207137	Trịnh Quốc	Tuấn	1	1.67	6	
23	K135520201245	Hoàng Thanh	Tùng	2.18	2.18	11	

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

DANH SÁCH 2

SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014-2015

(kèm theo quyết định số 126/QĐ - ĐHKTCN, ngày 22 tháng 9 năm 2015)

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Vi phạm
Lớp K46AP.M		Số sinh viên: 4					
1	DTK1051010569	Đoàn Vĩnh	Cường	0.75	2.15	74	TC1
2	DTK1051010891	Nguyễn Tiến	Hào	0	2.02	97	TC1
3	DTK1051010609	Đoàn Tiên	Phong	0	1.81	74	TC1
4	DTK1051010795	Lê Anh	Tuấn	0	1.67	93	TC1,TC2
Lớp K46AP.I		Số sinh viên: 3					
1	DTK1051020624	Phạm Hồng	Hà	0.19	2.1	104	TC1
2	DTK1051020025	Lương Trung	Hiếu	0	2.44	104	TC1
3	DTK1051030311	Bùi Khắc	Hoàng	0	2.56	104	TC1
Lớp K47AP.M		Số sinh viên: 6					
1	DTK1151010167	Hoàng Vũ	Anh	0	1.87	45	TC1
2	DTK1151010391	Phạm Long	Hải	0	2.3	61	TC1
3	DTK1151010568	Nguyễn Hoàng	Long	0	2.53	74	TC1
4	DTK1151010354	Bùi Thế	Luân	0	2.05	62	TC1
5	DTK1151020217	Phạm Minh	Tiến	0	2.4	62	TC1
6	DTK1151010051	Nguyễn Anh	Tuấn	0	2.19	59	TC1
Lớp K47AP.I		Số sinh viên: 9					
1	DTK1151020070	Nguyễn Bình	Dương	0	2.36	55	TC1
2	DTK1151010087	Trần Tuấn	Nghĩa	0	2.19	57	TC1
3	CPC105011	Chan	Savon	0	2.34	62	TC1
4	CPC105016	Haythy	Sopheha	0	1.82	62	TC1
5	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	0	1.98	48	TC1
6	DTK1151020055	Nguyễn Mạnh	Tuấn	0	2.3	53	TC1
7	DTK1151030114	Phạm Đình	Văn	0	2.24	50	TC1
8	DTK1151020057	Vũ Quang	Vinh	0	2.02	58	TC1
9	DTK1151010542	Nguyễn Tiến	Vũ	0	1.84	55	TC1

Lớp K48AP.M		Số sinh viên: 3					
1	K125520103456	Nguyễn Bùi Thế	Bảo	0	2.85	26	TC1
2	K125520103321	Đỗ	Bình	0.87	1.97	35	TC1
3	K125520103354	Dương Văn	Hiếu	0.27	1.89	28	TC1
Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 5					
1	K125520216095	Vũ Minh	Hoàng	0	2.07	14	TC1
2	K125520216028	Lê Quang	Huy	0	1.93	14	TC1
3	CPC115007	Ket	Norin	0	1.21	19	TC1
4	K125580201041	Nguyễn Hoàng	Phương	0	2.11	19	TC1
5	K125520114102	Hoàng Thanh	Tú	0.29	1.6	25	TC1
Lớp K49AP.M		Số sinh viên: 2					
1	K135520103042	Nguyễn Thế	Phong	0.6	3	2	TC1
2	K135520114117	Phạm Ngọc	Tùng	0.5	1	4	TC1,TC2
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 4					
1	K135520207098	Vương Quảng	Đông	0.56	1	5	TC1,TC2
2	K135520216076	Nguyễn Minh	Hiếu	0	0	0	TC1,TC2
3	K135520216111	Vũ Đức	Tiến	1	1	9	TC2
4	K135520201188	Hoàng Mạnh	Trung	1	1	9	TC2

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

DANH SÁCH 3

SINH VIÊN THUỘC DIỆN BUỘC THÔI HỌC HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014-2015 (kèm theo quyết định số 16/QĐ - ĐHKTCN, ngày 22 tháng 9 năm 2015)

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.

- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);

- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.

- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.

- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Vi phạm
Lớp K47AP.M		Số sinh viên: 3					
1	DTK1151040009	Hoàng Bảo	Chung	0	2.11	44	
2	DTK1151010554	Dương Kim	Đức	0	1.97	34	
3	CPC105008	Leng	Puth	0	2.62	61	
Lớp K47AP.I		Số sinh viên: 2					
1	CPC105004	Chhoay	Kimheang	0	1.64	36	
2	DTK1151030223	Thân Quang	Văn	0	1.76	50	
Lớp K48AP.I		Số sinh viên: 1					
1	LAOS115004	Souvannapha	Chounlamany	0	1.7	10	
Lớp K49AP.I		Số sinh viên: 1					
1	K135520103466	Phạm Quang Khánh	Duy	0	0	0	

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng

SINH VIÊN HỌC ĐÚNG TIẾN ĐỘ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số ~~126~~/QĐ - ĐHKTCN, ngày ~~22~~ tháng ~~9~~ năm 2015)

Ghi chú:

- TBHK: điểm trung bình chung học kỳ; TBTL: điểm trung bình chung tích lũy; TCTL: Số tín chỉ tích lũy.
- TC1: Vi phạm điều 16.1.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện học kỳ); TC2: Vi phạm điều 16.1.b số 515/QĐ-ĐHKTCN (điều kiện tích lũy); TC5: Vi phạm điều 16.3.a số 515/QĐ-ĐHKTCN (tự ý bỏ học); TC6: Vi phạm điều 16.3.c số 515/QĐ-ĐHKTCN (quá thời gian học);
- CB: cảnh báo học tập; 3CBLT: ba lần cảnh báo liên tiếp; BTH: buộc thôi học; CX: cứu xét.
- Sinh viên bị cảnh báo học tập nếu: vi phạm TC1 hoặc TC2.
- Sinh viên bị buộc thôi học nếu: bị cảnh báo quá 2 lần liên tiếp hoặc vi phạm TC5 hoặc vi phạm TC6.

TT	Mã Số Sinh Viên	Họ	Tên	TBHK	TBTL	TCTL	Ghi chú
Lớp K50AP.I							
1	K145905228006	Phan Thị Hồng	Mai	4.00	4.00	15	

NGƯỜI LẬP

Đinh Hồng Phụng